VinaCapital

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 20210519/VCFM-ETFVN100

Ngày 19 tháng 05 năm 2021/ Date 19-May-2021

THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU ĐỂ HOÁN ĐỔI,
CHÊNH LỆCH GIÁ TRỊ DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU VỚI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG LÔ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE, DIFFERENCE BETWEEN SECURITIES BASKET AND NAV OF 01 ETF LOT

Kính gửi/*Dear*: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam / *Vietnam Securities Depository*
- Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên quỹ/ *Fund name*: Quỹ ETF VinaCapital VN100/ *VinaCapital VN100 ETF*
2. Mã chứng khoán/ Securities *code*: **FUEVN100**
3. Tên CTQLQ/ *Fund Management Company:* Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital/ *VinaCapital Fund Management Joint Stock Company*
4. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa/ *Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch*
5. Địa chỉ trụ sở/ *Main office address*: Lầu 17, tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam/ *Floor 17, SunWah Building, 115 Nguyen Hue, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam*
6. Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date*: **20/05/2021**
7. Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit* = 100 000 ETF shares

Công ty Quản lý Quỹ VinaCapital thông báo danh mục, tỷ lệ chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi định kỳ và chênh lệch giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu với giá trị tài sản ròng lô ETF như sau/ *VinaCapital announces the Basket of component securities and difference between securities basket and NAV of 01 ETF lot as below:*

STT *No.*	Mã chứng khoán *Securities code*	Số lượng *Volume*	Tỷ lệ % trong danh mục *Weight (%)*
1	BID	200	0.47
2	BVH	100	0.30
3	CII	200	0.23
4	CTD	100	0.31
5	CTG	900	2.47
6	DBC	100	0.31
7	DHC	100	0.59
8	DIG	300	0.45
9	DPM	200	0.21
10	DXG	500	0.66
11	EIB	1,200	1.80
12	FLC	600	0.44
13	FPT	800	4.15
14	GAS	100	0.47
15	GEX	500	0.70
16	GMD	400	0.87
17	HBC	300	0.25
18	HCM	200	0.41
19	HDB	1,400	2.52
20	HDG	100	0.23
21	HNG	800	0.49
22	HPG	2,200	8.31
23	HPX	200	0.40
24	HSG	400	0.88
25	ITA	1,000	0.40
26	KBC	400	0.74
27	KDC	200	0.58
28	KDH	400	0.82
29	MBB	2,100	4.14
30	MSN	500	3.08
31	MWG	400	3.24
32	NLG	200	0.42
33	NVL	400	3.24
34	PC1	200	0.28
35	PDR	200	0.80
36	PHR	100	0.29
37	PLX	200	0.62
38	PNJ	200	1.07
39	POW	700	0.47
40	PVD	200	0.23
41	PVT	200	0.18
42	REE	200	0.63
43	ROS	700	0.29
44	SAB	100	0.88
45	SBT	400	0.45
46	SSI	500	1.03
47	STB	2,000	3.26
48	TCB	2,700	7.73

Classified: Public

STT *No.*	Mã chứng khoán *Securities code*	Số lượng *Volume*	Tỷ lệ % trong danh mục *Weight (%)*
49	TCH	300	0.37
50	TPB	700	1.32
51	VCB	500	2.69
52	VCI	100	0.42
53	VHC	200	0.43
54	VHM	1,000	5.74
55	VIC	1,200	8.23
56	VJC	300	1.89
57	VNM	1,300	6.50
58	VPB	1,900	7.33
59	VPI	100	0.20
60	VRE	1,100	1.84

8. Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: (VND) 1,745,824,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: (VND) 1,750,570,321
+ Giá trị chênh lệch/ *Difference in value*: (VND) 4,746,321

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the difference*:
  + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *With subscription order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
  + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

9. Các trường hợp CKCC trong danh mục thực hiện hoán đổi chuyển đi hoặc nhận về được thay bằng tiền (nếu có)/ *In case, component securities can be replaced by cash (if any)*

Mã chứng khoán *Securities code*	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND) *Equivalent cash amount for 1 share (VND)*	Đối tượng áp dụng *Applied party*	Lý do *State the reason*
BID	44,990	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/Restriction of ownership by Article 28.4 a of Circular 121/2020/TT-BTC
BVH	58,520	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/Restriction of ownership by Article 28.4 a of Circular 121/2020/TT-BTC
FPT	99,880	KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
GMD	41,690	KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
MBB	37,950	KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
MWG	155,870	KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	102,850	KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
REE	60,500	KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
TCB	55,110	KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
TPB	36,190	KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL/
VinaCapital Fund Management Joint Stock Company

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Lê Thị Hồng Thái
Giám đốc Chiến Lược

Classified: Public